TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 11 - 2023
"V/v kiện ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cù Thị Lan

2. Ông Lê Bá Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc "*Kiện ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T – sinh năm 1987

Địa chỉ: C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Nguyên B – sinh năm 1985.

Địa chỉ: A G, F, CA 92708, USA. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Trần Nguyên B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, đăng ký kết hôn ngày 29/12/2017 tại Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam. Sau khi kết hôn và chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện nay ông Trần Nguyên B đang sinh sống tại Hoa Kỳ và không còn chung sống với bà T, tình cảm vợ chồng xa cách không thể hàn gắn. Bà T cảm thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Nguyên B.

- Về con chung: Bà T và ông Trần Nguyên B có 01 con chung tên Trần Hoàng Y, sinh ngày 22/01/2014. Bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Bà Phạm Thị T không yêu cầu ông Trần Nguyên B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Nguyên B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 29/9/2023 và trình bày nội dung như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống, đăng ký kết hôn thống nhất như ý kiến của bà T đã trình bày. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông B, do tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị T.

- Về con chung: Bà T và ông Trần Nguyên B có 01 con chung tên Trần Hoàng Y, sinh ngày 22/01/2014. Ông B đồng ý giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà có nội dung:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị T khai không còn tình cảm với ông Trần Nguyên B, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị T có căn cứ để chấp nhận. Giao con chung Trần Hoàng Y, sinh ngày 22/01/2014 cho bà Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn bà Phạm Thị T đang cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam. Bị đơn ông Trần Nguyên B đang ở nước Hoa Kỳ. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, b khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự.

Ông Trần Nguyên B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 29/9/2023. Căn cứ Điều 227, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Nguyên B.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Trần Nguyên B chung sống với nhau năm 2013 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk cấp ngày 29/12/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T và ông B đều trình bày, sau khi kết hôn chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, ông B đã quay về H kỳ và không còn chung sống với bà T. Nay bà Phạm Thị T xác nhận không còn tình cảm với ông B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Ông B cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Xét thấy, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, trong cuộc sống chung thiếu sự quan tâm, chia sẻ, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2018 đến nay. Hiện nay, mỗi người sống một nơi, nguyên đơn đang sinh sống tại Việt Nam, còn bị đơn đang sinh sống tại Hoa Kỳ. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà Phạm Thị T xin ly hôn với ông Trần Nguyên B là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T, ông B có 01 con chung tên Trần Hoàng Y, sinh ngày 22/01/2014. Bà T và ông B đều thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Nguyên B được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

- Về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp.

Bà Phạm Thị T tự nguyện chịu chi phí ủy thác, lệ phí ủy thác tư pháp được khấu trừ số tiền chi phí thực hiện ủy thác tư pháp bà T đã nộp. Bà Phạm Thị T đã nộp đủ chi phí ủy thác tư pháp.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 153, Điều 207, Điều 227; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470, Điều 474, Điều 475, Điều 476, Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị T.

Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Trần Nguyên B.

[2] Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Hoàng Y, sinh ngày 22/01/2014 cho đến tuổi trưởng thành (Hiện nay cháu Y đang do bà T nuôi dưỡng).

Ông Trần Nguyên B được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp.

Bà Phạm Thị T tự nguyện chịu chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) chi phí Ủy thác tư pháp đã nộp theo biên lai thu số 0002141 ngày 01/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk; khấu trừ số tiền 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp đã nộp theo các biên lai thu số 0002139, 0002140 ngày 01/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk; Khấu trừ 95 Đô la Mỹ chi phí chi trả cho cơ quan có thẩm quyền tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ để tống đạt giấy tờ; Khấu trừ số tiền 4.350.000 đồng (Bốn triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) chi chi phí thực hiện ủy thác tư pháp đã nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, bà T đã nộp xong.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001600 ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[6] Về quyền kháng cáo:

- Bà Phạm Thị T được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

- Ông Trần Nguyên B được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TANDCC tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- UBND Tp. B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Văn Tú